

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4431/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa A  
(Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa A,  
huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn 484/SXD-QH&KT ngày 08/05/2018 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn 1664/SXD-QH&KT ngày 31/12/2019 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc góp ý Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa A, Lương Hòa A, Hòa Thuận, Hòa Minh huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa A (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh); Quyết định số 4091/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh điểm 8.2, khoản 8, Điều 1 Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành;

Xét Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa A,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa A (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), với các nội dung như sau:

### **1. Tên đồ án, phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:**

**1.1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa A (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh).

### **1.2. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:**

Xã Lương Hòa A, thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với đặc điểm địa lý sau:

+ Phía Bắc giáp xã Lương Hòa và thành phố Trà Vinh.

+ Phía Đông giáp xã Đa Lộc và một phần của thành phố Trà Vinh.

+ Phía Nam giáp xã Thanh Mỹ.

+ Phía Tây giáp xã Song Lộc, huyện Châu Thành và xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần.

Xã Lương Hòa A có 7 ấp gồm: Chà Dư, Tân Ngãi, Hòa Lạc A, Hòa Lạc B, Hòa Lạc C, Đại Tền. Tổng diện tích tự nhiên là 2.290,87 ha.

**2. Cơ quan tổ chức điều chỉnh quy hoạch:** Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa A.

### **3. Cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án:**

- Cơ quan thẩm định Đồ án: Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới huyện Châu Thành.

- Cơ quan phê duyệt Đồ án: Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

### **4. Mục tiêu; tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:**

#### **4.1. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Phù hợp với các tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 được ban hành theo Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

- Làm cơ sở để định hướng xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng theo quy định.

- Xây dựng phát triển hệ thống không gian phù hợp với từng đặc điểm sinh thái, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư và hạ tầng kỹ thuật, môi trường,...

#### **4.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:**

- Là khu quy hoạch mới, kết hợp với chỉnh trang khu dân cư hiện hữu và định hình các điểm dân cư mới.

- Đối với khu vực trung tâm xã: Chức năng chính của khu quy hoạch là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã gắn với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Ngoài ra trong khu quy hoạch còn có các khu dân cư, khu công viên cây xanh, thể dục - thể thao, các công trình công cộng khác,...

- Là xã có diện tích và điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển thủy sản, cây màu, nông nghiệp gắn với đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển theo quy hoạch.

#### **5. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

**5.1. Giai đoạn 2018 - 2025:** Quy mô dân số nông thôn hiện hữu là 10.976 người (thống kê xã Lương Hòa A năm 2017)

- Dân số: 11.800 người.

+ Lao động trong ngành nông nghiệp là 47,93%.

+ Lao động trong công nghiệp, dịch vụ và thương mại tại địa phương là 12,93 % .

+ Lao động không có việc làm là 5,5 %.

+ Công chức, viên chức làm việc trong và ngoài xã 2,12%

+ Lao động ngoài địa phương: 2.009 người chiếm 31,52%

- Thu nhập bình quân: 32,45 triệu đồng/năm.

#### **5.2. Giai đoạn 2026 - 2030:**

- Dân số: 12.500 người.

- Lao động tham gia lĩnh vực nông nghiệp chiếm: 43,38%.

- Lao động tham gia lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm: 51,62%.

- Thu nhập bình quân: 48,35 triệu đồng/năm.

#### **Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc giai đoạn 2018 - 2030:**

+ Đất ở nông thôn:  $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ .

+ Đất xây dựng nhà ở:  $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ .

+ Đất vườn, ao:  $75 \text{ m}^2/\text{người}$ .

+ Đất công trình công cộng:  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ .

- + Đất cây xanh - TDTT:  $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ .
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ .
- \* **Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2018 - 2030:**
- + Cấp nước: 80lít/người/ngày.
- + Cấp điện: 1.000 - 1600 KWh/người/năm.
- + Thoát nước thải: 80% lưu lượng nước cấp.
- + Rác thải: 0,8kg/người/ngày.

## **6. Phân khu chức năng:**

Đối với không gian trung tâm: Vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, nhà văn hóa, chợ, khu thể thao, trạm y tế, trạm cấp nước, buro điện... được nâng cấp, bổ sung đáp ứng tốt sự tiện lợi, thói quen, tập quán của người dân nơi cư trú và ổn định khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

Đối với không gian các khu dân cư: Tạo lập sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu đã có từ quy hoạch trước và bổ sung quy hoạch các tuyến dân cư mới trên cơ sở đã có dân cư sinh sống. Các khu dân cư này được sắp xếp nằm liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục lộ, kênh, rạch, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Đối với không gian sản xuất: Chia ra thành 03 tiểu vùng sản xuất tại các ấp thuộc xã.

## **7. Định hướng tổ chức không gian xã:**

### **7.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, ấp, xóm:**

- Khu hành chính tập trung xã Lương Hòa A:
- + Vị trí: Cặp Hương lộ 13, ấp Hòa Lạc C.
- + Diện tích 0,48 ha.
- + Mật độ xây dựng: 60%.
- + Tầng cao trung bình: 02 tầng.
- + Tầng cao tối đa: 03 tầng.
- + Nâng cấp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Trạm y tế xã:
- + Vị trí: ấp Ô Bấp.
- + Diện tích: 0,15 ha.
- + Mật độ xây dựng: 40%.
- + Tầng cao tối đa: 02 tầng.

- + Xây dựng mới, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Trường cấp 2, 3 Lương Hòa A:
  - + Diện tích 1,5 ha.
  - + Vị trí: ấp Ô Bấp.
  - + Mật độ xây dựng: 40%.
  - + Tầng cao tối đa: 2 tầng.
  - + Xây dựng mới, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Nhà văn hóa xã:
  - + Diện tích: 0,85 ha.
  - + Mật độ xây dựng: 40%.
  - + Tầng cao tối đa: 02 tầng.
  - + Xây dựng mới, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Chợ xã:
  - + Vị trí: Ấp Hòa Lạc C.
  - + Diện tích: 0,55 ha.
  - + Mật độ xây dựng: 40%.
  - + Tầng cao tối đa: 01 tầng.
  - + Nâng cấp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

**7.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở, khu dân cư mới và cải tạo ấp, xóm:**

- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:
  - + Đất ở nông thôn:  $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ .
  - + Đất xây dựng nhà ở:  $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ .
  - + Đất vườn, ao:  $75 \text{ m}^2/\text{người}$ .
  - + Đất công trình công cộng:  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ .
  - + Đất cây xanh - TDTT:  $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ .
  - + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ .

Ngoài ra đất sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ sản xuất: tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của địa phương.

- Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:
  - + Cấp nước: 80lít/người/ngày.
  - + Cấp điện: 1.000 - 1600 KWh/người/năm.
  - + Thoát nước thải: 100% lưu lượng nước cấp.
  - + Rác thải: 0,8kg/người/ngày.
  - + Thông tin liên lạc: 3 máy/100 dân hoặc 100% hộ có điện thoại di động.

- Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và thủy sản xã Lương Hòa A:

**\* Giai đoạn 2018 - 2025:**

- Tổng diện tích đất nông nghiệp: 1.984,7 ha, trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa: 1.443,0 ha.

+ Tổng diện tích đất phi nông nghiệp: 306,2 ha.

**\* Giai đoạn 2026 - 2030:**

- Tổng diện tích đất nông nghiệp: 1.984,7 ha, trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa: 1.290,0 ha.

+ Tổng diện tích đất phi nông nghiệp: 306,2 ha.

**7.3. Tổ chức các khu vực sản xuất:** Khu vực sản xuất được chia ra thành 03 tiểu vùng, cụ thể:

- Vùng I: Phân bố chủ yếu ở các ấp Chà Dur, Tân Ngại và Hòa Lạc A.

- Vùng II: Phân bố chủ yếu ở ấp Hòa Lạc B và phía Đông Hương lộ 13, ấp Hòa Lạc C

- Vùng III: Phía Tây Hương lộ 13, các ấp Hòa Lạc C, Ô Bắp và Đại Tền.

Vùng sản xuất có 7 kiểu sử dụng đất: Lúa 3 vụ, lúa 2 vụ, chuyên trồng màu, 2 vụ lúa - màu, cỏ, cây công nghiệp lâu năm, nuôi - trồng thủy sản. Được sản xuất theo phương thức chuyên canh, luân canh và xen canh đạt tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ một số mô hình điển hình.

**8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, (mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang toàn xã, các ấp và vùng sản xuất), công trình đầu mối trong phạm vi xã.**

**8.1. Giao thông:**

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và sản xuất của Nhân dân cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút, mời gọi đầu tư vào địa bàn, cần nhanh chóng xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trên cơ sở cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông hiện hữu, kết hợp với đầu tư xây dựng mới một số đoạn, tuyến tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh. Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã và phù hợp theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông.

**8.2. Về cao độ nền - thoát nước mặt:**

- Công tác thủy lợi:

+ Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Cần phải nạo vét hệ thống kênh, mương thường xuyên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất và phục vụ nhu cầu cuộc sống của Nhân dân.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát tình trạng sạt lở bờ sông, bờ kênh gây mất đất sản xuất, bồi lắng để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Cần lưu ý việc cấp nước và xử lý nước cho các khu vực nuôi trồng thủy sản chuyên canh.

- Về cao độ nền: Cao độ không chế cốt xây dựng được xác định theo cao độ + 2,3m (theo cao độ quốc gia, theo quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh).

- Về hệ thống thoát nước:

+ Hướng thoát: Nước mưa chủ yếu thoát nước tự nhiên về các kênh, rạch hiện hữu.

+ Khu vực trung tâm xã: Hệ thống mương, cống thoát nước, bố trí hệ thống cống BTCT dọc các trục đường chính. Nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung, xả ra kênh, rạch gần nhất.

+ Khu vực các ấp: Sử dụng hệ thống thoát nước phân tán theo cụm dân cư tập trung và xử lý cục bộ bằng bể tự hoại hợp quy cách trước khi xả trực tiếp ra kênh, rạch.

### **8.3. Về hệ thống cấp nước:**

- Chỉ tiêu cấp nước: Cấp nước sinh hoạt  $\geq 80$  lít/người/ngày.

- Nguồn nước: Tiếp tục sử dụng các trạm cấp nước hiện có phục vụ sinh hoạt và đời sống Nhân dân, giai đoạn dài hạn cần nâng cấp để đảm bảo nhu cầu. Các hộ dân rải rác còn lại dùng giếng khoan tự túc. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 100%.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng đường ống bằng nhựa PVC theo các tuyến giao thông chính.

### **8.4. Về cấp điện:**

- Duy trì hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt trên 99%.

- Điện năng: Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng 450kwh/người/năm.

- Số giờ sử dụng công suất lớn nhất: 3000h/người.

- Công trình công cộng:  $\geq 15\%$  nhu cầu điện sinh hoạt của xã hoặc cụm xã.

- Nhu cầu điện cho công trình công cộng: 20% nhu cầu điện sinh hoạt.

- Nhu cầu điện phục vụ sản xuất tính theo diện tích sản xuất: 140kw/ha.

- Định hướng cấp điện:

+ Nguồn điện phục vụ được cung cấp từ nguồn điện lưới quốc gia thuộc trạm cấp điện huyện Châu Thành.

+ Các tuyến trung thế xây dựng đường dây mới là đường dây nổi, dùng cáp nhôm lõi thép, đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12 - 14 m.

+ Các tuyến trung và hạ thế cần tránh vượt ao, hồ, đầm lầy, đường giao thông có mặt cắt ngang lòng đường lớn, các khu vực sản xuất nông nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp.

+ Trạm điện hạ thế và lưới cao, trung, hạ thế trong khu vực điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo hành lang và cách ly bảo vệ theo quy định hiện hành.

### **8.5. Về hệ thống thông tin liên lạc:**

- Điện thoại cố định dự kiến mỗi cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: 03 máy/01 cơ sở. Riêng hộ gia đình tùy theo yêu cầu.

- Nguồn cấp:

+ Xây dựng các tuyến thông tin liên lạc chính dọc các đường quy hoạch, dung lượng mỗi tuyến khoảng 500 đôi hoặc cáp quang đầu nối các trạm điện thoại trên vào Bru điện xã Lương Hòa A.

+ Cải tạo, nâng cấp Bru điện Lương Hòa A, xây mới các trạm điện thoại cung cấp dịch vụ thông tin cho khu vực quy hoạch.

### **9. Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:

+ Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

+ Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu hành chính - khu vực công cộng, đạt QCVN 05: 2013/BTNMT.

+ Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải tối thiểu là 80%. Bố trí hệ thống ống thu gom nước thải trong khu dân cư về các tuyến ống thoát nước chung.

+ Đảm bảo diện tích cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.

+ Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100% ở những nơi có điều kiện.

- Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch.

+ Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện: Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạch định cao độ nền thích hợp phòng chống ngập lụt, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm từ chất thải rắn, kiểm soát ô nhiễm nước thải. Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường.

### **10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:**

#### **10.1 Số công trình, dự án ưu tiên đầu tư:**



**- Giai đoạn 2018 - 2025:**

- + Số công trình xây dựng cần triển khai: 14.
- + Số công trình giao thông cần triển khai: 09.
- + Số công trình điện cần triển khai: 06.

**- Giai đoạn 2026 - 2030:**

- + Số công trình xây dựng cần triển khai: 02.
- + Số công trình giao thông cần triển khai: 25.
- + Số công trình thủy lợi cần triển khai: 02.
- + Số công trình điện cần triển khai: 08.

**10.2. Tổng dự toán kinh phí cho Đề án điều chỉnh quy hoạch: 342.051 triệu đồng, trong đó:**

**- Giai đoạn 2018 - 2025:** Tổng kinh phí: 113.316 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách: 103.348 triệu đồng.
- + Đối ứng: 9.837 triệu đồng.

**- Giai đoạn 2026 - 2030:** Tổng kinh phí: 228.735 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách: 221.432 triệu đồng.
- + Đối ứng: 10.303 triệu đồng.

**11. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:** Quy định chi tiết trong quy chế quản lý điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**12. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:**

- Ủy ban nhân dân xã tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác tuyên truyền và phát huy quyền làm chủ của người dân hưởng thụ.

- Quy hoạch tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất, mô hình dân cư. Việc đầu tư phải do chính người dân đề xuất trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và Quyết định thông qua cộng đồng. Phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư trên địa bàn.

**Điều 2.**

- Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa A phù hợp với Quyết định này.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa A tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh quy hoạch xã nông thôn mới đến các tổ chức, cá nhân có liên quan và Nhân dân biết, thực hiện quy hoạch; chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ quy hoạch nông thôn mới của xã theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Chủ tịch Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa A chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- LĐVP, NCKT, NN;
- Lưu: VT.



**Thạch Chiên**